TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ XUYÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số:30 /2020/DS - ST
Ngày: 28 - 5 - 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phùng Văn Phong.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tuấn Anh và ông Đỗ Quang Huy.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Trưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2019/TLST – DS ngày 13 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N; Trụ sở tại: Số 2 đường L, phường T, quận B, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành C - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện P, Hà Nội II. (Văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014).

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hoàng Văn T - Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện P, Hà Nội II.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Phú C, sinh năm 1976.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Tiểu khu M, thị trấn P, huyện P, TP Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Vũ Thị Q, sinh năm 1982; Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Tiểu khu M, thị trấn P, huyện P, TP Hà Nội.

- Ông Đào Văn D (Đào Ngọc D), sinh năm 1949; Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1954; Anh Đào Văn D1 (Đào Anh D), sinh năm 1977; Anh Đào Văn L, sinh năm 1984; Chị Nguyễn Thị M sinh năm 1988; Cháu Đào Thị B, 07 tuổi và cháu Đào Diệu V, 04 tuổi; Người đại diện theo pháp luật của cháu B và cháu V là anh Đào Văn L, chị Nguyễn Thị M.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn T, xã V, huyện P, TP Hà Nội.

Ông T có mặt; anh C, ông D, anh D, chị Q, bà X, anh L, chị M đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trình bày:

Ngày 07/10/2013, Ngân hàng N - Chi nhánh huyện P – Phòng giao dịch P (gọi tắt là A) và anh Nguyễn Phú C đã thống nhất cùng ký Hợp đồng tín dụng số 2213-149783400-TL/HĐTD. Nội dung chi tiết như sau:

- Mức dư nợ cao nhất: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng)

- Mục đích sử dụng vốn vay: Mua bán nông sản; Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày nhận tiền lần đầu.

- Lãi suất 11.5%/năm và có điều chỉnh theo thông báo của Agribank, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay đã thỏa thuận.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, ngày 21/3/2012 anh Nguyễn Phú C và vợ là chị Vũ Thị Q ký hợp đồng thế chấp số công chứng 000261/2012/HĐTC-BH ngày 21/3/2012 tại Văn phòng công chứng B để thế chấp cho A tài sản bảo đảm là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 69, tờ bản đồ số 6 ở Thôn T, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội, diện tích: 206m2 (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 849958 do UBND huyện P cấp ngày 23/3/2011, Số vào sổ cấp GCN: "CH" 00047; mang tên ông Nguyễn Phú C và vợ là bà Vũ Thị Q). Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện P ngày 23/3/2012.

Sau khi ký hợp đồng, trong ngày 07/10/2013, Ngân hàng A đã giải ngân đủ 400.000.000đ cho anh Nguyễn Phú C. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh C đã thanh toán cho Ngân hàng A số tiền lãi trong hạn là 104.266.666 đồng nên khoản vay của anh C được cơ cấu lại thời hạn trả nợ đến ngày 30/9/2016. Hết thời hạn trên, anh C không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay chuyển quá hạn kể từ ngày 01/10/2016.

Tính đến ngày 28/5/2020, anh C còn nợ Ngân hàng A 691.077.778 đồng. (Sáu trăm chín mươi mốt triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi tám đồng) trong đó có: 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) nợ gốc, 205.722.223 đồng (Hai trăm lẻ năm triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn hai trăm hai mươi ba đồng) nợ lãi trong hạn và 85.355.556 đồng (Tám mươi lăm triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi sáu đồng) nợ lãi quá hạn.

Mặc dù Ngân hàng A đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu anh C thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên và phối hợp xử lý tài sản bảo đảm nhưng anh C không thực hiện gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng A. Do đó, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án:

1/ Tuyên buộc anh Nguyễn Phú C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 28/5/2020 là: 691.077.778 đồng, trong đó nợ gốc: 400.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 205.722.223 đồng; nợ lãi quá hạn: 85.355.556 đồng.

2/ Tuyên buộc anh C phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2213-149783400-TL/HĐTD ký ngày 07/10/2013 kể từ ngày 29/5/2020 cho đến khi thanh toán xong dư nợ gốc.

3/ Tuyên nếu anh C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 000261/2012/HĐTC-BH ký ngày 21/3/2012 tại Văn phòng công chứng B.

4/ Tuyên nếu số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng A thì anh C vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng A cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Ngoài ra còn đề nghị buộc anh C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phía Bị đơn Nguyễn Phú C trình bày:

Anh C xác nhận việc ký kết với Ngân hàng A hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 69, tờ bản đồ số 6 ở Thôn T, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội mang tên anh Nguyễn Phú C và vợ là Vũ Thị Q để vay 400.000.000 đồng, quá trình làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả nợ. Nay Ngân hàng A khởi kiện, anh C thừa nhận nợ và chấp nhận bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng A xử lý để thu hồi nợ. Ngoài ra, anh C không đề nghị Tòa án xem xét việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ gia đình ông Đào Văn D và vợ chồng anh trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đào Văn D, Đào Văn D1 trình bày:

Do anh D1 có vay của anh C một khoản tiền và cần tiền để trả nợ nên hộ gia đình ông D đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 69, tờ bản đồ số 6 ở Thôn T, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội sang tên cho anh Nguyễn Phú C để anh C thế chấp vay tiền Ngân hàng A. Trường hợp anh C không trả được nợ cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A có quyền xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ. Tuy nhiên, hiện tại gia đình ông D vẫn đang sinh sống trên thửa đất này nên đề nghị với anh C cùng trả nợ cho Ngân hàng A để giải chấp tài sản bảo đảm nhưng hai bên không đạt được thỏa thuận.

Phía những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị Q, bà Nguyễn Thị X, anh Đào Văn L, chị Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng, cũng như không đưa ra quan điểm của mình.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Về tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và áp dụng các Áp dụng các Điều: 280, 299, 307, 317, 320, 323, 463 và 466 Bộ luật Dân sự, xử: buộc anh Nguyễn Phú C phải trả cho Ngân hàng A số nợ tính đến ngày 28/5/2020 theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là 691.077.778 đồng, trong đó nợ gốc: 400.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 205.722.223 đồng; nợ lãi quá hạn: 85.355.556 đồng. Kể từ ngày 29/5/2020 anh C còn phải trả Ngân hàng A khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong dư nợ gốc.

Trường hợp anh C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 69, tờ bản đồ số 6 ở Thôn T, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội, diện tích: 206m2 (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 849958 do UBND huyện P cấp ngày 23/3/2011, Số vào sổ cấp GCN: "CH" 00047; mang tên ông Nguyễn Phú C và vợ là bà Vũ Thị Q) để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì anh C vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng A cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Ngoài ra đề nghị buộc anh C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Căn cứ vào đơn khởi kiện và Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, hợp đồng thế chấp tài sản cùng lời trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện về tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; do bị đơn có địa chỉ và cư trú tại tiểu khu T, thị trấn P, huyện P,Thành phố Hà Nội, vì vậy TAND huyện P thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 184 BLTTDS, do các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên không xem xét.

Về sự vắng mặt của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy việc xét xử vắng mặt những người này là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Ngày 07/10/2013, Ngân hàng A và anh Nguyễn Phú C đã thống nhất cùng ký Hợp đồng tín dụng số 2213-149783400-TL/HĐTD thỏa thuận những nội dung sau: Mức dư nợ cao nhất: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); Mục đích sử dụng vốn vay: Mua bán nông sản; Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày nhận tiền lần đầu 07/10/2013; Lãi suất 11.5%/năm và có điều chỉnh theo thông báo của Agribank, lãi suất quá hạn = 150% lãi suất vay đã thỏa thuận.

Căn cứ vào nội dung Hợp đồng tín dụng vàphụ lục hợp đồng kèm theo được ký kết giữa Ngân hàng A với anh Nguyễn Phú C, cùng các tài liệu chứng cứ do phía Ngân hàng A xuất trình tại phiên tòa như: Bảng tính số gốc, lãi đã trả và chưa trả của khoản vay (Gồm cả lãi trong hạn, lãi quá hạn)... đã có đủ cơ sở khẳng định tính đến thời điểm xét xử là ngày 28/5/2020 phía anh Nguyễn Phú C còn nợ Ngân hàng A các khoản sau: nợ gốc 400.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 205.722.223 đồng; nợ lãi quá hạn 85.355.556 đồng; tổng cộng là 691.077.778 đồng.

Xét Hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là bình đẳng, tự nguyện, các điều khoản quy định trong hợp đồng... đều không trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, việc Ngân hàng A giữ nguyên quan điểm khởi kiện yêu anh Nguyễn Phú C phải trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn đến ngày 28/5/2020 (Thời điểm xét xử vụ kiện) tổng bằng 691.077.778 đồng là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc buộc anh Nguyễn Phú C còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết dư nợ gốc. Hội đồng xét xử xét thấy Ngân hàng A là doanh nghiệp hạch toán kinh doanh độc lập, việc vay nợ giữa anh C và Ngân hàng A được xác lập bằng hợp đồng tín dụng có thỏa thuận về lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn, các thỏa thuận về lãi suất đều phù hợp và không trái với quy định của pháp luật... Vì vậy cần buộc anh C phải tiếp tục thanh toán trả Ngân hàng A số tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thành toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán hết dư nợ gốc là hợp lẽ.

Do đây là loại hợp đồng tín dụng có tài sản bảo đảm; tài sản bảo đảm thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của anh Nguyễn Phú C và vợ là Vũ Thị Q; việc thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, được lập thành văn bản với trình

tự thủ tục đúng quy định của pháp luật... Vì vậy, trường hợp anh C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A đương nhiên có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý các tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp không đủ thanh toán trả cho các khoản nợ trên thì anh C vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng A cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Đối với việc chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 69, tờ bản đồ số 6 ở Thôn T, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội giữa hộ gia đình ông Đào Văn D và anh Nguyễn Phú C xác định việc chuyển nhượng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện; đã được lập thành hợp đồng có chứng thực tại UBND xã V và làm các thủ tục đăng ký sang tên vợ chồng anh Nguyễn Phú C theo đúng quy định của pháp luật; bản thân anh C và phía gia đình ông D đều thừa nhận có việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh C để anh C thế chấp vay tiền của Ngân hàng A... Do đó, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất ký kết giữa Ngân hàng A và anh Nguyễn Phú C là hoàn toàn hợp pháp. Quá trình tố tụng, phía anh C không yêu cầu Tòa án xem xét việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên trong vụ án này nên trường hợp hộ gia đình ông D có tranh chấp về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với anh C đối với thửa đất nêu trên thì dành quyền khởi kiện cho các bên bằng một vụ án khác.

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn Nguyễn Phú C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều: 280, 299, 307, 317, 320, 323, 463 và 466 Bộ luật Dân sự; các Điều 30, 35, 39, 144, 147, 184, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N (gọi tắt là Ngân hàng A), cụ thể:

+ Buộc anh Nguyễn Phú C phải thanh toán trả Ngân hàng A 691.077.778đ. (Sáu trăm chín mươi mốt triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi tám đồng) trong đó có: 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) nợ gốc; 205.722.223đ (Hai trăm lẻ năm triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn hai trăm hai mươi ba đồng) nợ lãi trong hạn và 85.355.556đ (Tám mươi lăm triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi sáu đồng) nợ lãi quá hạn.

Kể từ ngày 29/5/2020 cho đến khi thanh toán hết dư nợ gốc, anh Nguyễn Phú C còn phải trả Ngân hàng A số tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 2213-149783400-TL/HĐTD ngày 07/10/2013 và phụ lục hợp đồng kèm theo.

+ Trường hợp anh Nguyễn Phú C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với 69, tờ bản đồ số 6 ở Thôn T, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội, diện tích 206m2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 849958 do UBND huyện Phú Xuyên cấp ngày 23/3/2011, Số vào sổ cấp GCN: "CH" 00047; mang tên ông Nguyễn Phú C và vợ là bà Vũ Thị Q. (Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 000261/2012/HĐTC-BH ngày 21/3/2012 tại Văn phòng công chứng B) để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng A thì anh Nguyễn Phú C vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng A cho đến khi thanh toán xóng các khoản nợ.

3. Về án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án:

- Anh Nguyễn Phú C phải nộp 31.643.111 đồng *(Ba mươi mốt triệu sáu trăm bốn mươi ba ngàn một trăm mười một đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng N 14.897.300 đồng *(Mười bốn triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn ba trăm đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005605 ngày 12/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phùng Văn Phong